

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

“Về việc Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH LONG AN

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Thành Đồng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Chí Cường
2. Bà Nguyễn Anh Thu

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đặng Thị Nga –Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Long An.

Ngày 23 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 121/2018/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2018 về việc “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2018/QĐXX-ST ngày 27 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Nguyễn Hoàng H, sinh năm 1990 (có mặt).

ĐKTT: ấp 6, xã N, huyện B, tỉnh Long An.

- *Bi đơn*: Chi Trương Thị Kim T, sinh năm 1992 (có mặt).

ĐKTT: ấp 6, xã N, huyện B, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16/3/2018, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Hoàng H trình bày:

Anh và chị Trương Thị Kim T cưới nhau vào năm 2013, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã N, huyện B, tỉnh L cấp giấy chứng nhận kết hôn số 33/2013, quyền số 01/2013 vào ngày 16/4/2013.

Sau khi cưới vợ chồng sống tại xã N, huyện B, tỉnh L. Cuộc sống chung của vợ chồng không hạnh phúc, nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, chị Thoa đã về nhà cha mẹ ruột sống hơn 01 tháng nay. Nay anh H xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, cuộc sống chung không thể tiếp tục nên anh yêu cầu được ly hôn với chị T.

Quá trình chung sống, anh và chị T có 01 con chung tên Nguyễn Gia P, sinh ngày 29/9/2013. Khi chị T bỏ về nhà cha mẹ ruột sống cháu P chung sống với anh. Sau khi ly hôn, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Anh H và chị T không có tài sản chung, không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình sống chung anh và chị T không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 27/3/2018, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn chị Trương Thị Kim T trình bày:

Chị thống nhất với lời trình bày của anh H về thời gian kết hôn, thời gian chung sống, nguyên nhân ly hôn. Nay anh H yêu cầu ly hôn chị T đồng ý.

Về nuôi con chung: Quá trình chung sống, chị và anh H có 01 con chung tên Nguyễn Gia P, sinh ngày 29/9/2013. Hiện tại cháu P đang sống với anh H. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, chị không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: chị và anh H không có tài sản chung và nợ chung, không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án gồm: 01 Bản sao chứng minh nhân dân và 01 bản sao sổ hộ khẩu của ông H và bà T; 01 bản chính giấy đăng ký kết hôn; 01 bản sao giấy khai sinh của Nguyễn Gia P; 01 bản tự khai ngày 27/3/2018 của anh H; 01 bản tự khai ngày 27/3/2018 của chị T; 02 bản photo bảng lương của anh H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Hoàng H khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Trương Thị Kim T. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh L thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[3] Về nội dung tranh chấp:

[3.1] Xét yêu cầu ly hôn của anh H thấy rằng: anh H và chị T có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã N, huyện B, tỉnh L cấp giấy chứng nhận kết hôn số 33/2013, quyển số 01/2013 vào ngày 16/4/2013 là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên quá trình chung sống anh chị có nhiều mâu thuẫn về gia đình, kinh tế nên anh H yêu cầu ly hôn và chị T đã đồng ý ly hôn nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3.2] Về nuôi con chung: xác định anh H và chị T có một con chung là Nguyễn Gia P, sinh ngày 29/9/2013. Tại phiên tòa, anh H và chị T đều yêu cầu được nuôi con chung. Anh H trình bày lý do anh yêu cầu được nuôi con vì anh là người thường xuyên chăm sóc cháu P, chị Thoa rất ít gần gũi con. Chị T yêu

cầu được nuôi con vì con còn nhỏ cần có sự quan tâm của mẹ nhiều hơn. Xét lời trình bày tại phiên tòa thấy rằng, anh H có đủ điều kiện để nuôi con hơn so với chị T, hơn nữa anh H là người thường xuyên, trực tiếp chăm sóc con chung và gần gũi với cháu P. Do đó, căn cứ vào khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và để đảm bảo sự phát triển bình thường của cháu P cần chấp nhận yêu cầu của anh H được trực tiếp nuôi con chung..

[3.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của anh H không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

[3.4] Về tài sản chung và nợ chung: Anh H và chị T thống nhất xác định không có tài sản chung và nợ chung, không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Anh Nguyễn Hoàng H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào các Điều 28, 35, 39, 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 9, 14, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hoàng H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Hoàng H với chị Trương Thị Kim T.

2. Về nuôi con chung: Công nhận anh Nguyễn Hoàng H và chị Trương Thị Kim T có 01 con chung là cháu Nguyễn Gia P, sinh ngày 29/9/2013. Khi ly hôn, anh Nguyễn Hoàng H được tiếp tục nuôi cháu Nguyễn Gia P, sinh ngày 29/9/2013 Ghi nhận sự tự nguyện của anh H không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Chị Trương Thị Kim T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con theo luật định.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Hoàng H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006289 ngày 16/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh L. Anh H đã nộp đủ án phí.

Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơiinhân:

- TAND tỉnh L;
- VKSND huyện B;
- UBND xã N;
- THA huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu HS, lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Thành Đồng